

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện một số nội dung thuộc kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 về một số chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2024 và Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 4306/BCTĐ-STC ngày 30/5/2025; của Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và phòng, chống thiên tai tỉnh tại Tờ trình số 04/TTr-BQLQ ngày 09/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện một số nhiệm vụ thuộc kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung chính như sau:

1. Dự toán kinh phí chi tiết: 3.256.950.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*), bao gồm:

a) Dự toán kinh phí rà soát, kiểm tra biến động về chủ rừng, diện tích, trạng thái rừng làm cơ sở xác định diện tích cung ứng và diện tích được chi trả quy đổi theo hệ số K cho các chủ rừng năm 2024: 169.300.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số I kèm theo).

b) Dự toán kinh phí hỗ trợ lực lượng Kiểm lâm thực hiện Quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, phát triển rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025: 1.000.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số II kèm theo).

c) Dự toán kinh phí hỗ trợ cây giống phục vụ trồng cây phân tán, cây cảnh quan, phát triển sinh thái tại các địa phương trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng: 1.863.550.000 đồng

(Chi tiết có Phụ lục số III kèm theo).

d) Dự toán kinh phí biên tập, in ấn, cấp phát sản phẩm truyền thông về chi trả dịch vụ môi trường rừng: 224.100.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số III kèm theo).

đ) Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng thuộc Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 21/4/2025.

e) Đơn vị thực hiện: Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện một số nhiệm vụ thuộc Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, cụ thể:

a) Toàn bộ phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chia làm 02 gói thầu.

b) Nội dung gói thầu: *Chi tiết có Phụ lục số IV kèm theo.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá (chủ đầu tư), căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này để khẩn trương triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ trình tự, các bước công việc về dự toán, lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, căn cứ quy định về phân cấp tại Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND tỉnh và các quy khác của pháp luật liên quan để xác định đúng thẩm quyền phê duyệt dự toán, tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục về lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan đến dự toán và các gói thầu được phê duyệt; không làm thất thoát ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của nội dung tham mưu, thẩm định và hồ sơ, tài liệu số liệu liên quan đối với các nội dung phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu trên, đảm bảo minh bạch, đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật; chủ động phát hiện, xử lý kịp thời những thiếu sót, vi phạm (nếu có) liên quan đến dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước khu vực X và các sở, ngành, các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành mình; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện, đồng thời theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của chủ đầu tư, đảm bảo chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Giám đốc Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và phòng, chống thiên tai tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, Quyết định (để t/hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- UBND các huyện: Bá Thước, Quan Hoá, Lang Chánh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Các Ban QL Vườn QG: Bến En, Xuân Liên;
- Các BQL Khu BTTN: Pù Hu, Pù Luông;
- Lưu: VT, NNMT.

(MC28.05.25)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục số I
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện nhiệm vụ rà soát, kiểm tra biến động về chủ rừng, diện tích, trạng thái rừng làm cơ sở xác định diện tích cung ứng và diện tích được chi trả quy đổi theo hệ số K cho các chủ rừng năm 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
I	Tổng cộng				169.300.000
1	Rà soát, kiểm tra biến động tại các chủ rừng là tổ chức: 22 đơn vị				37.780.000
-	<i>Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên: Pù Hu, Pù Luông, Nam Động; Đồn Biên phòng Hiền Kiệt</i>				6.480.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 06 ngày * 02 người = 12 người	Người	12	200.000	2.400.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 05 đêm * 02 người = 10 người	Người	10	300.000	3.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 360km/người x 2 người = 720km	km	720	1.500	1.080.000
-	<i>Đồn Biên phòng: Tam Thanh, Na Mèo, Mường Mìn; Ban quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn</i>				6.540.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 06 ngày * 02 người = 12 người	Người	12	200.000	2.400.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 05 đêm * 02 người = 10 người	Người	10	300.000	3.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 380km/người * 2 người = 760km	km	760	1.500	1.140.000
-	<i>Đồn Biên phòng: Quang Chiêu, Tén Tằn, Pù Nhi, Tam Trung, Trung Lý; Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát</i>				12.040.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 05 ngày * 04 người = 20 người	Người	20	200.000	4.000.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 04 đêm * 04 người = 16 người	Người	16	300.000	4.800.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 540km/người * 4 người = 2.160 km	km	2160	1.500	3.240.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
-	Ban quản lý Vườn quốc gia Bến En; Ban quản lý rừng phòng hộ: Như Thanh, Thạch Thành; Công ty Lâm nghiệp Cẩm Ngọc				6.360.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 06 ngày * 02 người = 12 người	Người	12	200.000	2.400.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 05 đêm * 02 người = 10 người	Người	10	300.000	3.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 320km/người * 2 người = 640km	km	640	1.500	960.000
-	Ban quản lý rừng phòng hộ: Thường Xuân, Lang Chánh; Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Liên; Đồn Biên phòng Bát Mọt				6.360.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 06 ngày * 02 người = 12 người	Người	12	200.000	2.400.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 05 đêm * 02 người = 10 người	Người	10	300.000	3.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 320km/người * 2 người = 640km	km	640	1.500	960.000
2	Rà soát, kiểm tra biến động cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, UBND xã (93 xã)				131.520.000
-	Huyện: Như Thanh, Như Xuân, Thạch Thành, Lang Chánh, Cẩm Thủy (20 xã)				26.800.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 05 ngày * 10 người = 50 người	Người	50	200.000	10.000.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 04 đêm * 10 người = 40 người	Người	40	300.000	12.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 320km/người * 10 người = 3.200km	km	3200	1.500	4.800.000
-	Huyện: Triệu Sơn, Thọ Xuân, Thường Xuân (17 xã)				21.680.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 05 ngày * 8 người = 40 người	Người	40	200.000	8.000.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 04 đêm * 8 người = 32 người	Người	32	300.000	9.600.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 340km x 8 người = 2.720km	km	2720	1.500	4.080.000
-	Huyện: Quan Hóa, Bá Thước (16 xã)				21.920.000
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 05 ngày * 8 người = 40 người	Người	40	200.000	8.000.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 04 đêm * 8 người = 32 người	Người	32	300.000	9.600.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 360km/người x 8 người = 2.880km	km	2880	1.500	4.320.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
-	<i>Huyện Bá Thước (20 xã)</i>				<i>27.100.000</i>
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 05 ngày * 10 người = 50 người	Người	50	200.000	10.000.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 04 đêm * 10 người = 40 người	Người	40	300.000	12.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 340km x 10 người = 3.400km	km	3400	1.500	5.100.000
-	<i>Huyện Quan Sơn (12 xã)</i>				<i>19.620.000</i>
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 06 ngày * 6 người = 36 người	Người	36	200.000	7.200.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 05 đêm * 6 người = 30 người	Người	30	300.000	9.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 380km/người * 6 người = 2.280km	km	2280	1.500	3.420.000
-	<i>Huyện Mường Lát (8 xã)</i>				<i>14.400.000</i>
+	Khoán tiền phụ cấp lưu trú: 06 ngày * 4 người = 24 người	Người	24	200.000	4.800.000
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 05 đêm * 4 người = 20 người	Người	20	300.000	6.000.000
+	Khoán tiền phương tiện đi lại: 600km/người * 4 người = 2.400km	km	2400	1.500	3.600.000

Ghi chú: Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu, số liệu liên quan đến nội dung tham mưu, thẩm định về dự toán chi tiết thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Phụ lục số II
DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT

**Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lực lượng Kiểm lâm thực hiện quy chế phối hợp trong thực hiện chính sách
chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung công việc	Phân theo các đơn vị													Ghi chú
		Tổng cộng	Văn phòng CCKL	Hạt Kiểm lâm Mường Lát	Hạt Kiểm lâm Thường Xuân	Hạt Kiểm lâm Quan Sơn	Hạt Kiểm lâm Quan Hóa	Hạt Kiểm lâm Bá Thước	Hạt Kiểm lâm Như Xuân	Hạt Kiểm lâm Lang Chánh	Hạt Kiểm lâm Cẩm Thủy	Hạt Kiểm lâm Thạch Thành	Hạt Kiểm lâm Như Thanh	Hạt Kiểm lâm Ngọc Lặc	
1	Hỗ trợ thực hiện công tác bảo vệ rừng (rà soát trạng thái rừng, chủ rừng phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng tại các lưu vực chi trả)	800.000	125.000	84.000	86.000	86.000	88.000	75.000	69.000	42.000	42.000	24.000	55.000	24.000	Kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng; Chăm công ngoài giờ; khoán xăng xe, phòng ngủ, phụ cấp lưu trú; Bảng kê, chứng từ thanh toán
2	Tập huấn các văn bản quy phạm liên quan đến chính sách bảo vệ, phát triển rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng	200.000	200.000												Chi thuê hội trường, maket, thiết bị giảng dạy; Phô tô tài liệu; Tiền nước uống và giải khát giữa giờ; Chi phụ cấp lưu trú cho đại biểu tham gia tập huấn; Phòng nghỉ cho đại biểu tham gia tập huấn ...vv
	Tổng cộng	1.000.000	325.000	84.000	86.000	86.000	88.000	75.000	69.000	42.000	42.000	24.000	55.000	24.000	

Ghi chú: Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu, số liệu liên quan đến nội dung tham mưu, thẩm định về dự toán chi tiết thực hiện nhiệm vụ theo Tờ trình số 14/TTr-CCKL ngày 06/5/2025 của Chi cục Kiểm lâm.

Phụ biểu số 02a**Dự toán kinh phí tập huấn các văn bản quy phạm liên quan đến chính sách bảo vệ, phát triển rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

- Đơn vị: Văn phòng Chi cục Kiểm lâm
- Nội dung: Tập huấn các văn bản quy phạm liên quan đến chính sách bảo vệ, phát triển rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng
- Đối tượng: Lãnh đạo, công chức, viên chức Kiểm lâm các phòng, đơn vị thuộc Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa
- Số lớp: 03 lớp
- Số lượng người/lớp: 60 người/lớp
- Thời gian: 2 ngày/lớp
- Địa điểm: Thành phố Thanh Hóa

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (01 lớp)	Số lớp	Kinh phí	Căn cứ lập dự toán
1	Chi thuê hội trường, maket, trang thiết bị	Ngày	2	6.000.000	12.000.000	3	36.000.000	Giá thị trường
2	Phô tô tài liệu, đóng cuốn (cấp đại biểu 60 cuốn)	Cuốn	60	35.000	2.100.000		6.300.000	Giá thị trường
3	Tiền nước uống và giải khát giữa giờ (60 đại biểu và 01 giảng viên/báo cáo viên (61 người/ngày x 2 ngày = 122 người))	Người	122	40.000	4.880.000		14.640.000	Nghị quyết 64/2017/NQ-HĐND tỉnh; Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đại biểu tham gia tập huấn (54 người/ngày x 2 ngày = 108 người)	Người	108	160.000	17.280.000		51.840.000	
5	Phòng nghỉ cho đại biểu tham gia tập huấn (54 người, 2 người/phòng/ngày (27 phòng/ngày x 02 ngày = 54 phòng))	Phòng	54	560.000	30.240.000		90.720.000	
6	Chi khác	Bộ	1	167.000	167.000	3	501.000	Giá thị trường
Tổng cộng (làm tròn)					66.667.000		200.000.000	

Phụ lục số III
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cây giống phục vụ trồng cây phân tán, cây cảnh quan, phát triển sinh thái tại các địa phương trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng và nhiệm vụ biên tập, in ấn, cấp phát sản phẩm truyền thông về chi trả dịch vụ môi trường rừng

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
TỔNG CỘNG (I+II)						2.087.650.000	
I	Cây giống lâm nghiệp		Cây	4.200		1.863.550.000	
1	Hoa ban	- Đường kính gốc = 5-7 cm; - Chiều cao vút ngọn = 3,5-4,0 m; - Thời gian: 30-35 tháng tuổi; - Kích thước bầu bó 40x45cm.	Cây	1.500	425.000	637.500.000	a) Cây giống được vận chuyển, bốc dỡ, bàn giao; tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đến hồ trồng tại các điểm, vị trí trồng thuộc địa bàn xã các huyện: Bá Thước, Quan Hoá, Lang Chánh và Vườn quốc gia Bến En; có nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu bàn giao, hướng dẫn kỹ thuật. b) Chất lượng cây giống: Cây đẹp, dáng thẳng, không sâu bệnh, lá xanh, bầu không nứt vỡ.
2	Muồng hoàng yến	- Đường kính gốc = 5-7 cm; - Chiều cao vút ngọn = 3,5-4,0 m; - Thời gian: 30-35 tháng tuổi; - Kích thước bầu bó 40x45cm.	Cây	700	415.000	290.500.000	
3	Bằng lăng rừng	- Đường kính gốc = 5-7 cm; - Chiều cao vút ngọn = 3,5-4,0 m; - Thời gian: 30-35 tháng tuổi; - Kích thước bầu bó 40x45cm.	Cây	700	426.500	298.550.000	
4	Giáng hương	- Đường kính gốc = 6-8 cm; - Chiều cao vút ngọn = 3,5-4,0 m; - Thời gian: 30-35 tháng tuổi; - Kích thước bầu bó 40x45cm.	Cây	1.300	490.000	637.000.000	
II	Cấp sách (balo) học sinh		Cái	1.245		224.100.000	

TT	Nội dung	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-	Cặp sách (balo) học sinh	- Kích thước: cao: 35–40 cm; rộng: 25–28 cm; dày: 12–15 cm. - Chất liệu vải ngoài: vải polyester hoặc nylon cao cấp, có khả năng kháng nước, không độc hại; chất liệu lót trong: vải lót mềm hoặc vải lưới có lớp xốp, chống ẩm và chống sốc nhẹ; chất liệu khóa kéo: khóa nhựa hoặc kim loại không gỉ, kéo trơn, dễ thao tác. - Số ngăn: tối thiểu 1 ngăn chính, 1 ngăn phụ phía trước, 2 ngăn túi bên hông. - Có lớp đệm lưng êm, thoáng khí; dây đeo vai to bản, có lót mềm, điều chỉnh được; tay xách chắc chắn; đáy có đệm hoặc chân đế nhựa chống bẩn, chống thấm - In ấn hình ảnh, chữ theo yêu cầu. - Bao bì và đóng gói: mỗi balo bọc riêng bằng túi PE; đóng gói số lượng phù hợp trong thùng carton.	Cái	1.245	180.000	224.100.000	Hàng hoá được vận chuyển, bốc dỡ, bàn giao đến các trường học do chủ đầu tư và UBND các xã trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng thống nhất lựa chọn.

Ghi chú: Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu, số liệu liên quan đến nội dung tham mưu, thẩm định về dự toán chi tiết thực hiện nhiệm vụ.

Phụ lục số IV

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Thực hiện một số nhiệm vụ thuộc Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]